



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 50+51

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

11-8-2021	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND quy định chế độ bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	3
11-8-2021	Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	5
11-8-2021	Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ban hành Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	58
12-8-2021	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030.	80
12-8-2021	Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	82
12-8-2021	Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND quy định chế độ trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động	94

làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên.

12-8-2021	Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và cấp học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2021 - 2022 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.	96
12-8-2021	Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.	99

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

11-8-2021	Nghị quyết số 134/NQ-HĐND về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển - kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ giải pháp trọng tâm những tháng cuối năm 2021.	107
11-8-2021	Nghị quyết số 135/NQ-HĐND thông qua nội dung nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên.	114
11-8-2021	Nghị quyết số 136/NQ-HĐND thông qua Đề án bổ sung vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.	117
11-8-2021	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND về Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.	121

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Người làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (không thuộc đối tượng được hưởng chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19).

Điều 2. Chế độ bồi dưỡng và nguồn kinh phí

1. Chế độ bồi dưỡng: 150.000 đồng/người/ngày.

Số tiền bồi dưỡng được tính bằng số ngày làm việc thực tế tại chốt kiểm soát do cơ quan có thẩm quyền quyết định x 150.000 đồng/người/ngày.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng
nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 115/TTr-BDT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ban Dân tộc
Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành
Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV,
nhiệm kỳ 2021- 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Kèm theo Nghị quyết số: 07/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.
3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do cử tri tỉnh Thái Nguyên bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Quyết định những vấn đề của tỉnh trong phạm vi được phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

5. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình.

Chương II

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 4. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, trường hợp không tham dự được thì phải có lý do, phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có

lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó.

2. Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiêm túc chấp hành Nội quy kỳ họp.

b) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp.

c) Tham gia thảo luận tại phiên họp toàn thể, thảo luận ở Tổ thảo luận hoặc Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

d) Biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

3. Hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo Quy chế tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

4. Tham gia giám sát theo chương trình kế hoạch giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri.

5. Liên hệ chặt chẽ với cử tri địa phương, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước hữu quan trên địa bàn tỉnh.

a) Tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh,

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong trường hợp không thể tham gia tiếp xúc cử tri, thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện nơi đại biểu được bầu.

b) Tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri chuyên đề theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cũng có thể tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc hoặc trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm.

d) Trong trường hợp thấy cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri gửi tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đồng thời gửi đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (nơi đại biểu sinh hoạt), Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo.

đ) Ít nhất mỗi năm một lần, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri nơi mình là đại biểu về hoạt động trong năm, nhiệm vụ năm tới của đại biểu, của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thời gian dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu làm việc và được đảm bảo trả lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đài thọ. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ đại biểu.

7. Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Chủ động xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nếu không còn công tác và không cư trú trên địa bàn tỉnh.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu phải đeo phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân, trong một số trường hợp cần thiết phải xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

3. Gửi kiến nghị bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu; tổ chức họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh; kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

4. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước,

quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

7. Được cấp Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; được hưởng quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định.

8. Đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ đại biểu.

9. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Quy định về chất vấn và trả lời chất vấn

1. Chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể lựa chọn hình thức chất vấn trực tiếp tại kỳ họp hoặc gửi phiếu chất vấn (theo mẫu do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cung cấp). Phiếu chất vấn phải ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước phiên họp chất vấn.

b) Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

c) Người bị chất vấn trả lời chất vấn trực tiếp tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trả lời bằng văn bản (do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định) về những vấn đề mà đại biểu đã chất vấn.

Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

d) Người đã trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đã gửi văn bản trả lời chất vấn cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau: Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp; vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

e) Thời gian chất vấn và trả lời chất vấn: Mỗi lần chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn không quá 03 (ba) phút. Người bị chất vấn trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 07 (bảy) phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa kỳ họp quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn cho phù hợp.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi chất vấn bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức trả lời chất vấn:

Chuyên ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đến người bị chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến chất vấn. Trong trường hợp không được trả lời hoặc không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Tổ chức chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

3. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn. Nội dung nghị quyết phải đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn; thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập; trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân; trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

Điều 7. Quy định về giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật. Yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được lập thành văn bản gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Quy định về giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát.

b) Mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết.

c) Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 9. Quy định về cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không còn công tác tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu thì phải xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trình tự, thủ tục xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu biết nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị khởi tố bị can thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Quy định về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, không còn xứng đáng với sự tin nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mất quyền đại biểu kể từ ngày nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu được thông qua.

4. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Chương III

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Quy định chung về Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử, trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành nghị quyết thành lập Tổ đại biểu và chỉ định

Tổ trưởng, Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Quyết định việc chuyển sinh hoạt của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đến Tổ đại biểu nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, tình hình thực tế của địa phương và ý kiến của cử tri để xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tạo điều kiện cho các đại biểu trong Tổ thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác.

2. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo Quy chế tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

4. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hoặc tiếp xúc cử tri tại nơi cư trú, nơi làm việc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

5. Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp để nghiên cứu tài liệu, thảo luận, đóng góp ý kiến tham gia các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; các nội dung công việc khác theo thẩm quyền và chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể mời Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện dự và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Họp kiểm điểm và xét thi đua hằng năm, nhiệm kỳ đối với tập thể và cá nhân các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác 6 tháng (trước ngày 30 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 30 tháng 11) với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi ứng cử.

Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; chủ trì phiên họp của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử, công tác để tổ chức và bảo đảm các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; đề xuất phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân định kỳ tại Trụ sở Tiếp công dân của cấp huyện; phân công đại biểu đại diện Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được mời; quản lý, thanh quyết toán kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu

Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và kết quả công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Tổ trưởng thực hiện những nhiệm vụ được phân công và được ủy quyền khi Tổ trưởng vắng mặt; tổng hợp xây dựng dự thảo các văn bản của Tổ và ghi biên bản các cuộc họp Tổ.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra, gồm có: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực

Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp mỗi tháng ít nhất một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp; phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét báo cáo kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

5. Giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc tổ chức phiên chất vấn giữa các kỳ họp.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình về những vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

7. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị,

phản ánh của công dân theo Quy chế tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

8. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp; tiếp xúc cử tri chuyên đề, lĩnh vực; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

9. Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và việc cho thôi làm Ủy viên các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

10. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết; phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết.

13. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

14. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

15. Định kỳ hằng năm, chủ trì tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thực hiện nhiệm vụ phát sinh giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân tỉnh

Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh theo quy định của luật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất về những vấn đề sau:

1. Xem xét, cho ý kiến về dự toán ngân sách địa phương hằng năm trước khi gửi báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan hữu quan khác theo quy định; quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

2. Xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

3. Xem xét, cho ý kiến về việc mua sắm và bán tài sản công được nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác và tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

4. Xem xét điều chỉnh, bổ sung các biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân quyền, phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh, các tổ chức xã hội khác và công dân.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nhiệm vụ cụ thể của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 19. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần; khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng

nhân dân tỉnh. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt thì một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đại diện Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các nội dung thuộc chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương V

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 20. Số lượng thành viên, cơ cấu thành phần

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập 04 Ban gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - ngân sách, Ban Văn hóa - xã hội, Ban Dân tộc.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 21. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Điều 22. Chế độ làm việc

1. Căn cứ Quy chế này, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Hằng năm, căn cứ chương trình hoạt động, chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng chương trình công tác của mình.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

4. Báo cáo kết quả công tác với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm; báo cáo công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữa hai kỳ họp.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ban do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

4. Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách.

5. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

9. Cử thành viên Ban tham gia đoàn công tác, giám sát, khảo sát theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

10. Hằng năm căn cứ vào tình hình thực tiễn có thể tổ chức để các thành viên Ban đi học tập, trao đổi kinh nghiệm hoạt động.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham gia các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

b) Chỉ đạo, điều hành công việc chung của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành.

c) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban, chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban.

d) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực hoạt động của Ban do Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh mời.

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban theo chương trình, kế hoạch đã được tập thể Ban thông qua hoặc theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả thẩm tra của Ban tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

h) Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn danh sách Ủy viên hoặc cho thôi làm Ủy viên của Ban phụ trách.

i) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban.

2. Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban theo sự phân công của Trưởng ban; điều hành các hoạt động của Ban khi Trưởng ban vắng mặt.

3. Các Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; thực hiện các nhiệm vụ được Ban phân công. Ủy viên của Ban hoạt động kiêm nhiệm phải dành ít nhất một phần ba thời gian

làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ của Ban và nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 25. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hồ sơ, tài liệu gửi thẩm tra gồm:

a) Báo cáo, đề án, tờ trình chính thức trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo nghị quyết.

c) Đối với dự thảo nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh trình phải có báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Đối với dự thảo nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật do Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trình phải có văn bản tham gia ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.

đ) Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với những nội dung phải xin ý kiến theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên Khóa XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Nội dung thẩm tra dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật:

a) Nội dung dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

c) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

4. Phiên họp thẩm tra được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan có báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình bày.

b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự phiên họp phát biểu ý kiến.

c) Các thành viên của Ban thảo luận.

d) Đại diện lãnh đạo cơ quan có báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình bày, giải trình bổ sung.

đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

e) Các thành viên Ban biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

5. Nội dung báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

6. Quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp thường lệ như sau:

a) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, cơ quan trình báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết gửi toàn bộ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân công thẩm tra.

b) Chậm nhất là 18 (mười tám) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, giấy mời dự Hội nghị thẩm tra và các tài liệu thẩm tra (bản giấy hoặc bản điện tử) được gửi đến các thành viên của Ban và các đại biểu được mời dự.

c) Chậm nhất là 12 (mười hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành tổ chức Hội nghị thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết được phân công.

d) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được thành viên của Ban thông qua và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo.

7. Thời gian thực hiện quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp chuyên đề bằng một phần ba thời gian quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 26. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị hoặc yêu cầu; phối hợp và mời các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến trong quá trình chuẩn bị nội dung liên quan để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết khi xét thấy cần thiết.

5. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác theo các Quy chế phối hợp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ký với các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Chương VI**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH,
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH,
CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****Điều 27. Nguyên tắc giám sát**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.
3. Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 28. Thẩm quyền giám sát

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp huyện; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát

văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 29. Chương trình giám sát hằng năm

1. Chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định vào kỳ họp giữa năm của năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và lập tờ trình dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình tờ trình về dự kiến chương trình giám sát.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo trình tự sau:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình.

Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát năm sau của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành chương trình giám sát của năm sau.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết về chương trình giám sát.

3. Chương trình giám sát hằng năm của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các thành viên, Ban của

Hội đồng nhân dân tỉnh lập, xem xét, quyết định chương trình giám sát năm tiếp theo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b) Chương trình giám sát hằng năm của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phải được báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành.

c) Trưởng Ban có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình giám sát.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ giữa năm của năm sau.

5. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát trước Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm.

Điều 30. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 33 của Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

Điều 31. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 32. Hoạt động giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Điều 33. Xem xét báo cáo

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo sau:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

b) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về: Kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri.

c) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

d) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tại kỳ họp tổng kết cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh.

3. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo.

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu.

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập.

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân.

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 34. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

Điều 35. Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn

1. Chất vấn tại kỳ họp: Thực hiện theo Khoản 1, Điều 6 của Quy chế này.
2. Chất vấn giữa 2 kỳ họp: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 6 của Quy chế này.
3. Chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 36. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:
 - a) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.
 - b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.
 - c) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:
 - a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

c) Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Riêng đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp giao cho Ban Pháp chế chủ trì thẩm tra.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày.

Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.

Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Chủ tọa cuộc họp kết luận.

đ) Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền

yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày tờ trình.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan.

Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 37. Lấy phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức lấy phiếu tín nhiệm một lần trong mỗi nhiệm kỳ vào kỳ họp thường lệ cuối năm năm thứ ba của nhiệm kỳ.

3. Quy trình lấy phiếu tín nhiệm tại Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Người được lấy phiếu tín nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này có báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm và báo cáo tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (nếu có) đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thấy cần làm rõ vấn đề liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm thì chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh và trả lời bằng văn bản.

d) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể gửi văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và người được lấy phiếu tín nhiệm để yêu cầu người được lấy phiếu tín nhiệm làm rõ những nội dung thuộc căn cứ đánh giá tín nhiệm. Người được lấy phiếu tín nhiệm có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có yêu cầu trước ngày lấy phiếu tín nhiệm.

đ) Tại kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm.

Trước khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm, Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về các vấn đề có liên quan đến việc lấy phiếu tín nhiệm. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban kiểm phiếu.

g) Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Trên phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được lấy phiếu tín nhiệm, các mức độ: “tín nhiệm cao”, “tín nhiệm”, “tín nhiệm thấp”.

h) Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu;

i) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

Điều 38. Bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong các trường hợp sau đây:

a) Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Quy trình bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quyền trình bày ý kiến của mình trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban kiểm phiếu.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Trên phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm, các mức độ: “tín nhiệm”, “không tín nhiệm”.

e) Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu đối với người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm.

g) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

Điều 39. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

2. Phiên giải trình được tổ chức công khai và có thể được truyền hình truyền thanh trực tiếp theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình, trình tự tiến hành phiên giải trình được thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề đã giải trình; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 40. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương.

3. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết; báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 41. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỉnh trình bày báo cáo.

b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 42. Giám sát chuyên đề

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát hằng năm.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến,

kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 43. Quy trình giám sát chuyên đề

1. Thành lập Đoàn giám sát

a) Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh do một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Nghị quyết hoặc quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

đ) Thành viên đoàn giám sát gồm: Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo.

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ban hành, nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình

và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm.

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết.

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát:

Đối với giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh: Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp gần nhất; trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát.

Đối với giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

Đối với giám sát chuyên đề của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để thảo luận, thống nhất báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan.

Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cụ thể như sau: Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập. Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết giám sát chuyên đề được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan.

Chủ tọa cuộc họp kết luận. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

Ban của Hội đồng nhân dân thảo luận.

Chủ tọa phiên họp kết luận. Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

Báo cáo kết quả giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết, được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 44. Trách nhiệm giám sát thực hiện các kiến nghị sau giám sát

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương VII

TỔ CHỨC KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 45. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi năm hai kỳ.

3. Kỳ họp thường lệ: Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vào Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định họp kín theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 46. Kỳ họp thường lệ

1. Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Ban hành nghị quyết để quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Quy chế này. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ban hành nghị quyết về công tác của các cơ quan đó.

c) Xem xét báo cáo kết quả giám sát, trong trường hợp cần thiết có thể ban hành nghị quyết về vấn đề được giám sát.

d) Nghe Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp, báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị.

2. Việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ được tiến hành như sau:

a) Trước khi tổ chức Hội nghị liên tịch để chuẩn bị nội dung kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chậm nhất là 40 (bốn mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức họp liên tịch với Ủy ban nhân dân tỉnh, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

c) Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Chậm nhất là 25 (hai mươi lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thông báo dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng và ban hành kế hoạch tiếp xúc cử tri.

đ) Chậm nhất là 22 (hai mươi hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi tài liệu phục vụ tiếp xúc cử tri đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri.

g) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp.

h) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu khác của kỳ họp phải được các cơ quan hữu quan gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân công thẩm tra.

i) Chậm nhất là 12 (mười hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

k) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

Báo cáo Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung chính thức của kỳ họp và chương trình điều hành kỳ họp chi tiết;

Tổ chức họp báo để thông báo về ngày họp, nơi họp và dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp để Nhân dân được biết.

l) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

m) Chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

Gửi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

Gửi giấy mời dự kỳ họp đến các đại biểu không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Gửi toàn bộ tài liệu kỳ họp đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Sau ngày bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri; kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri được báo cáo tại kỳ họp thường lệ gần nhất.

Điều 47. Kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp chuyên đề chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; quyết định triệu tập kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Thời gian chuẩn bị kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 48. Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khoá mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền trong cả nhiệm kỳ.

Điều 49. Quy định về Chủ tọa kỳ họp, Thư ký phục vụ kỳ họp và trình tự thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 50. Biên bản kỳ họp

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải ghi biên bản.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gồm biên bản các phiên họp tại kỳ họp, biên bản tóm tắt kết quả kỳ họp và biên bản bầu cử các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Biên bản phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp ký tên.

Điều 51. Ban hành nghị quyết

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, biên bản của kỳ họp và toàn bộ tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được đăng công báo địa phương, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Rút kinh nghiệm kỳ họp

1. Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp rút kinh nghiệm kỳ họp.

2. Tổ Thư ký phục vụ kỳ họp tham mưu xây dựng báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp, chỉ ra những ưu điểm và những vấn đề cần rút kinh nghiệm, giải pháp khắc phục. Báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp được ban hành ngay sau phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 53. Mối quan hệ với các cơ quan Trung ương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành của Trung ương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện để Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các ban, bộ, ngành Trung ương khi về làm việc ở địa phương.

Điều 54. Mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong việc chuẩn bị và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát và phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 55. Mối quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước khác ở địa phương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc theo dõi, đánh giá hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ.

2. Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử để tổ chức các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ chức các hoạt động

tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này.

Chương IX

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 56. Trụ sở làm việc, con dấu và cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh có trụ sở làm việc tại số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh có có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh là Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 57. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 58. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 59. Công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng nhân dân tỉnh

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 113/TTr-KTNS ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2016.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2021/.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NỘI QUY

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Nội quy được áp dụng trong các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Nội quy này áp dụng đối với:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
- b) Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.
- c) Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.
- d) Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.
- đ) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.
- e) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Hội đồng nhân dân tỉnh. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gồm nhiều phiên họp. Tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát, thảo luận và ban hành Nghị quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường lệ mỗi năm ít nhất hai kỳ họp. Họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh họp kín theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia.

Điều 3. Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chủ tọa phiên họp có trách nhiệm điều hành kỳ họp theo đúng chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, bảo đảm để Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3. Chủ tọa phiên họp có quyền yêu cầu dừng việc trình bày các báo cáo, tờ trình; ý kiến phát biểu, chất vấn hoặc trả lời chất vấn khi người trình bày, phát biểu không đúng trọng tâm hoặc quá thời gian quy định.

4. Chủ tọa phiên họp có thể mời Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan để thảo luận, thống nhất về những vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau hoặc những nội dung quan trọng, cần thiết trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Khai mạc, bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch khai mạc và bế mạc kỳ họp.

Trước khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khai mạc và sau khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh bế mạc kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh làm lễ chào cờ (Cử quốc ca).

Điều 5. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu để tham gia ý kiến thảo luận, biểu quyết các vấn đề, nội dung tại kỳ họp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tham gia vào các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, văn bản xin ý kiến đại biểu (nếu có).

3. Đại biểu đến dự họp phải đúng thời gian quy định, chấp hành nội quy kỳ họp và tuân thủ sự điều hành của chủ tọa phiên họp, ngồi theo vị trí đã được sắp xếp trong hội trường. Trong giờ họp, đại biểu không trao đổi công việc riêng, không tự ý đi lại, cài đặt điện thoại ở chế độ im lặng và hạn chế sử dụng điện thoại, không đọc sách, báo, tài liệu không liên quan đến nội dung kỳ họp. Đại biểu chỉ được phát biểu khi được chủ tọa kỳ họp cho phép.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do, báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được ghi vào biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt tại phiên họp được ghi vào biên bản phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kỳ họp sử dụng trang phục lịch sự, đi giày hoặc dép có quai hậu. Trong phiên khai mạc, bế mạc, đại biểu là nam giới thắt cà vạt, đại biểu là nữ giới mặc áo dài truyền thống; đại biểu trong các cơ quan, đơn vị có trang phục ngành thì có thể mặc trang phục của ngành; đại biểu là người dân tộc thiểu số, đại biểu tôn giáo có thể mặc trang phục của dân tộc, tôn giáo...

6. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đeo phù hiệu theo mẫu quy định và đeo ở phía bên trên ngực trái, khi bị mất phù hiệu phải báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để cấp lại.

7. Quản lý, sử dụng tài liệu kỳ họp và thiết bị phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định; không được tiết lộ nội dung, thông tin tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín khi chưa được người có trách nhiệm hoặc cấp có thẩm quyền công bố công khai.

Điều 6. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm: Quản lý, đôn đốc, hướng dẫn đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình, nội quy của kỳ họp; thực hiện một số nhiệm vụ khác do chủ tọa phân công.

2. Khi Tổ trưởng vắng mặt thì Tổ phó thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng.

Điều 7. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị được mời dự kỳ họp

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp, đúng thời gian, ngồi đúng vị trí quy định, sử dụng trang phục lịch sự, đi giày hoặc dép có quai hậu. Trong phiên khai mạc, bế mạc, đại biểu là nam giới thắt cà vạt, đại biểu là nữ giới mặc áo dài truyền thống; đại biểu trong các cơ quan, đơn vị có trang phục ngành thì có thể mặc trang phục của ngành; khi không dự họp được phải cử người thay thế và phải báo cáo với Lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh. Nếu vắng mặt phải có báo cáo bằng văn bản được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa phiên họp.

Điều 8. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chuẩn bị nội dung, tài liệu và các điều kiện đảm bảo kỳ họp, phiên họp.
2. Sắp xếp, bố trí vị trí ngồi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, khách mời dự kỳ họp.
3. Tổ chức, phân công phục vụ các phiên họp, kỳ họp đảm bảo kịp thời, đúng quy định.
4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 9. Trách nhiệm của Tổ thư ký kỳ họp

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.
2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.
3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.
4. Tham mưu cho chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp.

5. Trình bày dự thảo Nghị quyết trước khi Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nếu được chủ tọa kỳ họp phân công.
6. Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi chủ tọa kỳ họp phân công.

Điều 10. Quy định đối với phóng viên

Phóng viên các cơ quan thông tấn, báo chí trong quá trình tác nghiệp tại các kỳ họp và các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

1. Đưa tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, khách quan về các nội dung của kỳ họp theo quy định của pháp luật về báo chí.
2. Không phỏng vấn đại biểu trong giờ họp.
3. Giữ trật tự chung, trong quá trình tác nghiệp không làm ảnh hưởng đến kỳ họp.

Chương II

CHUẨN BỊ KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Khách mời tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và một số cơ quan Trung ương có liên quan; Tư lệnh Quân khu I; các đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên.
2. Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên dự khai mạc kỳ họp.
3. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân.
4. Đại diện cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, Thường trực huyện ủy, thành ủy, thị ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện thành phố, thị xã được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, khách quốc tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Danh sách khách mời, chế độ sử dụng tài liệu và vị trí chỗ ngồi của người được mời tham dự kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở xem xét đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 12. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tài liệu kỳ họp gồm hồ sơ của các dự thảo nghị quyết, đề án của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật và báo cáo khác thuộc nội dung của kỳ họp.

2. Hình thức lưu hành tài liệu phục vụ tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh là bản điện tử hoặc bản giấy theo quy định tại Điều 124, Điều 125 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

3. Tài liệu chính thức (Bản điện tử, bản giấy và các tài liệu khác như video, hình ảnh minh họa...) của kỳ họp được gửi thông qua hệ thống quản lý điều hành nội bộ, phần mềm phòng họp không giấy tờ (Ecabinet) và gửi trực tiếp cho đại biểu (Bằng bản giấy đối với văn bản quy phạm pháp luật), đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử *hdnd.thainguyen.gov.vn*.

Thời gian gửi tài liệu chậm nhất là 07 (Bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương III

PHIÊN HỌP TẠI KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 13. Các hình thức làm việc tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được ghi trong chương trình kỳ họp bao gồm:

- a) Phiên họp trừ bị.
- b) Phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- c) Phiên họp thảo luận Tổ.
- d) Phiên họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để thảo luận, xem xét các nội dung thuộc chương trình trình kỳ họp.
- đ) Thảo luận tại phiên họp toàn thể.
- e) Phiên chất vấn tại phiên họp toàn thể.

2. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức họp thảo luận về những nội dung cần xem xét trong chương trình kỳ họp.

Điều 14. Phiên họp trừ bị

1. Tại phiên họp trừ bị, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhận tài liệu kỳ họp; chủ tọa kỳ họp báo cáo về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia ý kiến và biểu quyết thông qua.

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh nếu không có phiên họp trừ bị thì các nội dung của phiên họp trừ bị sẽ được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức triển khai trước giờ khai mạc kỳ họp.

2. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp theo trình tự sau:

- a) Chủ tọa kỳ họp báo cáo về dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.
- b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận chương trình.
- c) Chủ tọa kỳ họp tiếp thu, giải trình, chỉnh lý nội dung chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.
- d) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và tiến hành biểu quyết công khai.

3. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua theo trình tự tương tự như thông qua dự kiến chương trình kỳ họp.

Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành mới có giá trị thực hiện.

4. Trường hợp cần thiết, điều chỉnh thời gian thực hiện nội dung trong chương trình kỳ họp đã được thông qua thì Chủ tọa kỳ họp quyết định và báo cáo kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân tỉnh nghe Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan có thẩm quyền, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết.

Những văn bản không trình bày tại kỳ họp đã gửi đại biểu tự nghiên cứu có giá trị pháp lý như văn bản trình bày tại kỳ họp.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa các phiên họp toàn thể. Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Phiên họp thảo luận Tổ

1. Thành phần, số lượng đại biểu tại mỗi Tổ thảo luận do chủ tọa kỳ họp quyết định. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký của phiên thảo luận Tổ.

2. Đại biểu mời dự kỳ họp tham dự phiên thảo luận Tổ do chủ tọa kỳ họp phân công. Trong quá trình thảo luận đại biểu được phát biểu trao đổi, giải trình hoặc đề xuất ý kiến với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 17. Phiên họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức để thảo luận xem xét các nội dung thuộc chương trình trình kỳ họp

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời Thường trực Tỉnh ủy, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan dự họp. Phiên họp sẽ xem xét nội dung tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ và nội dung phiếu chất vấn của các đại biểu; thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung cần giải trình, làm rõ tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 18. Thảo luận tại phiên họp toàn thể

Đại biểu nghe báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến phiên họp thảo luận tại Tổ. Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan hữu quan, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh báo cáo, giải trình, làm rõ một số nội dung theo yêu cầu của chủ tọa kỳ họp.

Chủ tọa nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Các nội dung thảo luận tại phiên họp được ghi vào biên bản phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 19. Chất vấn tại phiên họp toàn thể

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.

3. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể lựa chọn hình thức chất vấn trực tiếp tại kỳ họp hoặc gửi phiếu chất vấn (Theo mẫu do Thường trực Hội

đồng nhân dân tỉnh cung cấp). Phiếu chất vấn phải ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Căn cứ vào thời gian, chương trình của kỳ họp và số lượng, nội dung đăng ký chất vấn, chủ tọa kỳ họp có thể quyết định số lượng, nội dung yêu cầu trả lời chất vấn trực tiếp tại phiên họp hoặc trả lời bằng văn bản.

c) Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời trực tiếp, đầy đủ tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề mà đại biểu đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

Nội dung trả lời chất vấn phải được lập thành văn bản, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn ngay tại phiên họp chất vấn hoặc chậm nhất 10 (mười) ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp.

Trường hợp đại biểu chất vấn không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền tiếp tục chất vấn.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây: Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp; vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

đ) Thời gian chất vấn và trả lời chất vấn: Mỗi lần chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn không quá 03 (ba) phút. Người bị chất vấn trả lời

chất vấn của một đại biểu không quá 07 (bảy) phút. Trường hợp cần thiết, chủ tọa kỳ họp quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn cho phù hợp.

e) Trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn thời gian chậm nhất là 10 ngày (Mười) ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp.

g) Người đã trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đã gửi văn bản trả lời chất vấn cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản về việc thực hiện những vấn đề đã hứa, tiếp thu, ghi nhận tại kỳ họp trước. Báo cáo được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Kết thúc phiên chất vấn, chủ tọa kỳ họp mời Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát biểu tiếp thu ý kiến thảo luận, ý kiến chất vấn tại kỳ họp và thực hiện một số nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Phiên họp chất vấn tại Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 20. Trình tự thông qua dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức thảo luận tại các phiên họp thảo luận Tổ.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra chủ trì, phối hợp cơ quan, tổ chức trình, Sở Tư pháp và Thư ký kỳ họp giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

5. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan trình dự thảo nghị quyết và các cơ quan hữu quan khác báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

6. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo nghị quyết.

7. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

Điều 21. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

a) Biểu quyết công khai.

b) Bỏ phiếu kín.

c) Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức kỳ họp bằng hình thức trực tuyến tại các điểm cầu trên địa bàn tỉnh, việc thực hiện biểu quyết sẽ có hướng dẫn cụ thể.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết.

Điều 22. Biên bản kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nội dung các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được ghi biên bản.
2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gồm biên bản các phiên họp tại kỳ họp và biên bản bầu cử các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.
3. Biên bản phải ghi đầy đủ các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp.
4. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa phiên họp ký tên.

Chương IV

QUYẾT ĐỊNH CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Điều 23. Bầu ban Kiểm phiếu

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Ban kiểm phiếu để giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm; Ban kiểm phiếu có ít nhất là 07 thành viên gồm Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 không có tên trong danh sách để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm. Trường hợp có thành viên Ban kiểm phiếu thuộc diện cần thay thế thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc thay thế, bổ sung thành viên Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa kỳ họp. Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Ban kiểm phiếu bằng hình thức biểu quyết công khai theo giới thiệu của chủ tọa kỳ họp.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn thủ tục, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu đối với các nội dung mà Hội đồng nhân dân bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu kết thúc nhiệm vụ sau khi đã hoàn thành các công tác kiểm phiếu tại kỳ họp.

Điều 24. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định về nhân sự

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về người được giới thiệu để bầu vào các chức danh bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, người có thẩm quyền trình.

b) Sơ yếu lý lịch (trích ngang) người được giới thiệu vào các chức danh để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gồm tờ trình và hồ sơ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu

1. Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm các trường hợp sau: Người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu từ chức; được cơ quan có thẩm quyền bố trí công việc khác mà không thuộc diện điều động theo quy định tại khoản 1 Điều 124 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu không tín nhiệm có thể xin từ chức. Trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu chức vụ đó có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm người không được Hội đồng nhân dân tỉnh tín nhiệm tại khoản 3 Điều 89 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong các trường hợp: Bị kết tội bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cử tri bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 102 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

3. Không miễn nhiệm đối với các trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định điều động hoặc cách chức của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 26. Trình tự Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu

1. Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh lập tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp (Kèm theo dự thảo nghị quyết).

b) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tờ trình đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì bầu Ban kiểm phiếu theo Điều 23 của Nội quy này.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết và thông qua nghị quyết về miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo trình tự sau:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc

miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp (kèm theo dự thảo nghị quyết).

b) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tờ trình đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì bầu Ban kiểm phiếu theo Điều 23 của Nội quy này.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết và thông qua nghị quyết về miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 90 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014: Hội thẩm nhân dân có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác. Hội thẩm nhân dân bị bãi nhiệm khi có vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật không còn xứng đáng làm Hội thẩm nhân dân.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 86 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 như sau:

a) Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân tại kỳ họp (Kèm theo dự thảo nghị quyết).

c) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tờ trình đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

d) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì thành lập Ban kiểm phiếu theo Điều 23 của Nội quy này.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết và thông qua nghị quyết về miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

Điều 27. Cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Việc cho thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành theo trình tự sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai. Trường hợp thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín thì bầu Ban kiểm phiếu theo Điều 23 của Nội quy này.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trước khi biểu quyết thông qua nghị quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu có thể phát biểu ý kiến.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu và người được cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu biết về việc cho thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết.

Điều 28. Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai. Trường hợp thực hiện việc bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì bầu Ban kiểm phiếu theo Điều 23 của Nội quy này.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu và người bị bãi nhiệm biết về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương V

THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN KỲ HỌP

Điều 29. Thông tin tuyên truyền về kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cung cấp thông tin về chương trình, nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp; tổ chức họp báo để cung cấp thông tin về nội dung, chương trình và thời gian, địa điểm tổ chức kỳ họp.

2. Các phiên họp toàn thể và phiên chất vấn của kỳ họp được phát thanh, truyền hình trực tiếp. Các phiên họp khác được ghi âm, ghi hình để phản ánh hoặc phát thanh, truyền hình trực tiếp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và được ghi trong chương trình kỳ họp.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp phải bảo đảm chính xác, khách quan; không tiết lộ thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đại diện cơ quan thông tin, tuyên truyền tham dự, khai thác tài liệu, đưa tin về các phiên họp của kỳ họp phải thông qua Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm việc đưa tin chính xác, đầy đủ và khách quan theo quy định của pháp luật về báo chí.

Chương VI

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO KỲ HỌP CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 30. Quy định tiếp công dân, xử lý đơn thư

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân và tiếp nhận đơn của công dân tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh; tổng hợp phân loại đơn báo cáo chủ tọa kỳ họp quyết định.

Điều 31. Các điều kiện khác đảm bảo tổ chức kỳ họp

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan đảm bảo an ninh, trật tự và các điều kiện khác cần thiết đảm bảo cho việc tổ chức kỳ họp dưới sự chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2021/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ Nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 8 năm 2021.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo

Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6:

“6. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Quy định mức thu và tỷ lệ trích để lại (*chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo*).

b) Miễn thu đối với các trường hợp sau: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thay đổi địa giới hành chính.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7:

“7. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:

Quy định mức thu và tỷ lệ trích để lại (*chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo*).”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8:

“8. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và phí đăng ký giao dịch bảo đảm:

a) Quy định mức thu và tỷ lệ trích để lại (*chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo*).

b) Miễn thu phí đối với các đối tượng sau:

- Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đề nghị sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo do lỗi của cán bộ đăng ký.

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên của chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

- Điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.”

Điều 2. Bổ sung vào Điều 1 của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND và Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày

08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Bổ sung khoản 15 vào Điều 1 của Nghị quyết:

“15. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.”

2. Bổ sung khoản 15 vào Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết:

“15. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

Quy định mức thu và tỷ lệ trích để lại (*chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo*).”

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục VI**Quy định mức thu, tỷ lệ trích phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức

TT	Nội dung	Mức thu
A	Trường hợp cấp lần đầu (cấp mới)	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	750.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
2	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản	750.000 đồng/hồ sơ/tài sản
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + tài sản	950.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
4	Từ tài sản thứ 2	50% mức cấp giấy chứng nhận đối với tài sản
5	Trường hợp cấp nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cùng 01 hồ sơ (dự án nhà ở, khu, cụm công nghiệp...)	
5.1	Hồ sơ ≤ 05 thửa đất	2.625.000 đồng/hồ sơ
5.2	05 thửa đất < Hồ sơ ≤ 10 thửa đất	4.500.000 đồng/hồ sơ
5.3	10 thửa đất < Hồ sơ ≤ 20 thửa đất	7.500.000 đồng/hồ sơ
5.4	20 thửa đất < Hồ sơ ≤ 50 thửa đất	11.250.000 đồng/hồ sơ
5.5	Hồ sơ > 50 thửa đất	15.000.000 đồng/hồ sơ
B	Trường hợp cấp đổi	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	450.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
2	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản	450.000 đồng/hồ sơ/tài sản
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + tài sản	580.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
4	Từ tài sản thứ 2	50% mức cấp giấy chứng nhận đối với tài sản
C	Đối với trường hợp cấp lại	50% mức trường hợp cấp đổi

TT	Nội dung	Mức thu
D	Đăng ký biến động đất đai	
1	Trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận	
1.1	Đăng ký biến động đối với đất	1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
1.2	Đăng ký biến động đối với tài sản	1.000.000 đồng/hồ sơ/tài sản
1.3	Đăng ký biến động đối với đất + tài sản	1.300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
1.4	Từ tài sản thứ 2	50% mức đăng ký biến động đối với tài sản
1.5	Trường hợp chuyên mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước	50% mức đăng ký biến động đối với đất
2	Trường hợp không thực hiện cấp mới giấy chứng nhận	
2.1	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp	90% mức quy định trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận/hồ sơ
2.2	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai	
2.3	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai	
2.4	Chuyển quyền sử dụng cả thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của cơ quan thi hành án	
2.5	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả đấu giá đất	
2.6	Trường hợp chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp	
2.7	Chủ đầu tư xây dựng nhà chung cư bán căn hộ và làm thủ tục đăng ký biến động đợt đầu	
2.8	Đối với các loại biến động còn lại	80% mức quy định trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận/hồ sơ

II. Quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình cá nhân

1. Đối với hộ gia đình cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn trung tâm huyện

TT	Nội dung	Mức thu
A	Trường hợp cấp lần đầu (cấp mới)	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
2	Đối với trường hợp đất nông nghiệp cấp nhiều thửa đất trên cùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ thửa đất thứ 02)	30% mức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hồ sơ/thửa đất
3	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản	200.000 đồng/hồ sơ/tài sản
4	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + tài sản	250.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
5	Từ tài sản thứ 2	50% mức cấp giấy chứng nhận đối với tài sản
B	Trường hợp cấp đổi	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	250.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
2	Đối với trường hợp đất nông nghiệp cấp nhiều thửa đất trên cùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ thửa đất thứ 02)	30% mức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hồ sơ/thửa đất
3	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản	250.000 đồng/hồ sơ/tài sản
4	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + tài sản	330.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
5	Từ tài sản thứ 2	50% mức cấp giấy chứng nhận đối với tài sản
C	Đối với trường hợp cấp lại	50% mức trường hợp cấp đổi
D	Đăng ký biến động đất đai	
1	Trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận	
1.1	Đăng ký biến động đối với đất	450.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
1.2	Đăng ký biến động đối với tài sản	450.000 đồng/hồ sơ/tài sản

TT	Nội dung	Mức thu
1.3	Đăng ký biến động đối với đất + tài sản	540.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
1.4	Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước	50% mức đăng ký biến động đối với đất
2	Trường hợp không thực hiện cấp mới giấy chứng nhận	
2.1	Chuyển đổi quyền sử dụng đất	90% mức quy định trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận/hồ sơ
2.2	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
2.3	Thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
2.4	Tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
2.5	Đối với các loại biến động còn lại	80% mức quy định trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận/hồ sơ

2. Đối với hộ gia đình cá nhân tại các khu vực khác

TT	Nội dung	Mức thu
A	Trường hợp cấp lần đầu (cấp mới)	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	180.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
2	Đối với trường hợp đất nông nghiệp cấp nhiều thửa đất trên cùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ thửa đất thứ 02)	30% mức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hồ sơ/thửa đất
3	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản	180.000 đồng/hồ sơ/tài sản
4	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + tài sản	220.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
5	Từ tài sản thứ 2	50% mức cấp giấy chứng nhận đối với tài sản
B	Trường hợp cấp đổi	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	230.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
2	Đối với trường hợp đất nông nghiệp cấp nhiều thửa đất trên cùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ thửa đất thứ 02)	30% mức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hồ sơ/thửa đất

TT	Nội dung	Mức thu
3	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản	230.000 đồng/hồ sơ/tài sản
4	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + tài sản	300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
5	Từ tài sản thứ 2	50% mức cấp giấy chứng nhận đối với tài sản
C	Đối với trường hợp cấp lại	50% mức trường hợp cấp đổi
D	Đăng ký biến động đất đai	
1	Trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận	
1.1	Đăng ký biến động đối với đất	360.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
1.2	Đăng ký biến động đối với tài sản	360.000 đồng/hồ sơ/tài sản
1.3	Đăng ký biến động đối với đất + tài sản	430.000 đồng/hồ sơ/thửa đất
1.4	Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước	50% mức đăng ký biến động đối với đất
2	Trường hợp không thực hiện cấp mới giấy chứng nhận	
2.1	Chuyển đổi quyền sử dụng đất	90% mức quy định trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận/hồ sơ
2.2	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
2.3	Thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
2.4	Tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
2.5	Đối với các loại biến động còn lại	80% mức quy định trường hợp thực hiện cấp mới giấy chứng nhận/hồ sơ

III. Tỷ lệ trích

TT	Nội dung	Tỷ lệ trích để lại (%)	Nộp ngân sách nhà nước (%)
1	Đơn vị thu phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động	10	90

TT	Nội dung	Tỷ lệ trích để lại (%)	Nộp ngân sách nhà nước (%)
2	Đơn vị thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc đảm bảo một phần kinh phí hoạt động	90	10

Phụ lục VII**Quy định mức thu, tỷ lệ trích phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Quy định mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu)

TT	Nội dung	Mức thu
1	Đối với việc khai thác, sử dụng, hồ sơ, tài liệu đất đai	
1.1	Đối với tổ chức	300.000 đồng/hồ sơ/tài liệu
1.2	Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn trung tâm huyện	120.000 đồng/hồ sơ/tài liệu
1.3	Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác	60.000 đồng/hồ sơ/tài liệu
2	Đối với trường hợp chỉ khai thác 01 phần hồ sơ tài liệu: 50% mức thu đối với việc khai thác, sử dụng, hồ sơ, tài liệu đất đai	

II. Tỷ lệ trích

TT	Nội dung	Tỷ lệ trích để lại (%)	Nộp ngân sách nhà nước (%)
1	Đơn vị thu phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động	20	80
2	Đơn vị thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc đảm bảo một phần kinh phí hoạt động	80	20

Phụ lục VIII**Quy định mức thu, tỷ lệ trích phí cung cấp thông tin về giao dịch
đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
và đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***(Kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)***I. Quy định mức thu**

TT	Nội dung	Mức thu
1	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm)	30.000 đồng/hồ sơ
2	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
2.1	Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu	80.000 đồng/hồ sơ
2.2	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000 đồng/hồ sơ
2.3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	30.000 đồng/hồ sơ
2.4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000 đồng/hồ sơ
2.5	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm	25.000 đồng/trường hợp

II. Tỷ lệ trích

TT	Nội dung	Tỷ lệ trích để lại (%)	Nộp ngân sách nhà nước (%)
1	Đơn vị thu phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động	20	80
2	Đơn vị thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc đảm bảo một phần kinh phí hoạt động	80	20

Phụ lục XVI**Quy định mức thu, tỷ lệ trích phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***(Kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)***I. Quy định mức thu**

Tổng vốn đầu tư dự án (Tỷ đồng)	≤ 50	> 50 đến ≤ 100	> 100 đến ≤ 200	> 200
Mức thu phí (Triệu đồng)	8,1	11	13	16

Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thẩm định lại bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

II. Tỷ lệ trích

TT	Nội dung	Tỷ lệ trích
1	Trích để lại cho đơn vị thu phí (%)	85
2	Nộp ngân sách nhà nước (%)	15

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 04 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng: Viên chức, người lao động làm công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức trợ cấp đặc thù: Viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên được hưởng trợ cấp đặc thù: 1.300.000 đồng/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non
và cấp học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
năm học 2021 - 2022 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2016 của Chính phủ quy định quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và cấp học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2021 - 2022 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và cấp học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2021 - 2022 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

2. Đối tượng điều chỉnh

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

b) Trẻ em học mầm non, học sinh tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; học sinh hệ giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

Điều 2. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và cấp học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2021 - 2022 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/tháng/học sinh

STT	Cấp học Địa bàn		Mức thu		
			Các phường thuộc thành phố, thị xã	Thị trấn trung tâm các huyện; các xã không phải xã miền núi, vùng cao	Các xã, thị trấn còn lại
1	Mầm non	Nhà trẻ	140	75	40
		Mẫu giáo	110	50	25
2	Trung học cơ sở		60	30	20
3	Trung học phổ thông		70	45	25

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 13/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số
mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh
Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

*(Kèm theo Nghị quyết số: 13/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp các đề án/dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của đề án/dự án đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước.

b) Công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã).

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố.

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

(Sau đây các đối tượng tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này gọi chung là cán bộ, công chức; các đối tượng tại điểm d khoản 2 Điều này gọi chung là viên chức).

Điều 2. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

1. Chi đào tạo cán bộ, công chức

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung

Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

b) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

Mức chi hỗ trợ không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước; mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên và mức chi, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

2. Chi bồi dưỡng cán bộ, công chức

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng, một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giáo sư; tiến sĩ khoa học; chuyên gia cao cấp: Mức chi tối đa 1.600.000 đồng/người/buổi.

Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc bộ, ban, ngành Trung ương; phó giáo sư; giảng viên cao cấp: Mức chi tối đa 1.400.000 đồng/người/buổi.

Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; tiến sĩ; giảng viên chính: Mức chi tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi.

Giảng viên, báo cáo viên là cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy: Mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.

Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố, thị xã; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện: Mức chi tối đa 800.000 đồng/người/buổi.

Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi thù lao cao nhất. Đối với các giảng viên, báo cáo viên có chức danh tương đương với các nhóm giảng viên, báo cáo viên đã được quy định cụ thể nêu trên được hưởng mức chi thù lao tương ứng.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

Tuỳ theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chi dịch thuật

Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế

và mức chi tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

đ) Chi nước uống phục vụ lớp học

Thực hiện theo mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

Mức chi hỗ trợ một phần tiền ăn:

Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ chi phí đi lại và hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao.

h) Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại

Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức quy định tại Nghị quyết này; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 đã mở lớp nhưng chưa kết thúc lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc đã thực hiện xong thủ tục ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo nguồn kinh phí được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Nghị quyết này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần có mức chi cao hơn thì cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng quyết định phù hợp khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội
6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm những tháng cuối năm 2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Sau khi nghe Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm
và một số nhiệm vụ trọng tâm những tháng cuối năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua kết quả thực hiện
nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm
những tháng cuối năm 2021; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến tham gia của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm những tháng cuối năm 2021. Để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2021 cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong tình hình khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 phải biến khó khăn, thách thức thành động lực để phấn đấu, phát triển; đẩy mạnh đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác

chỉ đạo, quản lý, điều hành; nắm chắc tình hình, bám sát thực tiễn, đưa ra nhiệm vụ giải pháp đúng hướng, phù hợp, kịp thời, quyết liệt để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2021. Tích cực tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2021 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

2. Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và từng người dân không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác nhưng cũng không bi quan, hốt hoảng mà phải bình tĩnh, chủ động sáng tạo, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống, dập dịch. Tiếp tục nêu cao tinh thần *“chống dịch như chống giặc”*; kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phòng ngừa và tấn công, tấn công là chủ động, là đột phá; tổng tiến công toàn diện, toàn lực, thần tốc, mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa ở những nơi có ổ dịch với quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn, hành động quyết liệt hơn, lấy mục tiêu bảo vệ sức khỏe, tính mạng, cuộc sống của người dân là chủ thể, là trung tâm và sự ổn định phát triển của doanh nghiệp là quan trọng.

Thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, nhất là Kết luận số 07-KL/TW ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện nghiêm phương châm *“5K + vắc-xin”* và tăng cường ứng dụng công nghệ trong kiểm soát dịch bệnh với cách làm *“phòng ngừa tích cực, phát hiện sớm, cách ly nhanh, điều trị hiệu quả, xử lý dứt điểm, nhanh chóng ổn định tình hình”*. Tổ chức thực hiện tốt chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

Tập trung triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Nghị định số

20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Chủ động hỗ trợ hiệu quả, thiết thực doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo thẩm quyền.

3. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021; tập trung chỉ đạo, kiểm tra, rà soát tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đối với từng dự án, đặc biệt là các dự án ODA; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng; kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án giải ngân chậm sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng; kiên quyết chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm trong đầu tư công và tình trạng xin cho trong đầu tư công. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục để giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm không bố trí đầu tư dàn trải, gắn với các mục tiêu ưu tiên theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và chỉ đạo của Chính phủ.

4. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm hiệu quả, thực chất gắn với đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ. Đổi mới trong xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư. Kịp thời có những giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập, tạo điều kiện giúp doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh kích cầu, phát triển thị trường nội địa; hỗ trợ phục hồi, đổi mới hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với việc làm và

tăng nguồn thu cho ngân sách. Xây dựng kế hoạch, chương trình thúc đẩy phát triển, phục hồi sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp để chủ động triển khai ngay sau khi dịch Covid -19 cơ bản được kiểm soát. Tiếp tục rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư kinh doanh và đời sống xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ.

5. Tăng cường các biện pháp quản lý thu ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ; có giải pháp tăng thu ngân sách; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách, vừa đảm bảo đáp ứng thực hiện nhiệm vụ chính trị, vừa đảm bảo tiết kiệm, giảm tối đa chi phí không cần thiết. Làm tốt công tác bình ổn giá, tăng cường công tác đấu tranh và xử lý đối với các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng.

6. Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2022 - 2024 bảo đảm sát với tình hình thực tế của địa phương, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

7. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chất lượng; tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, xây dựng, tài nguyên khoáng sản và môi trường. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các dự án, công trình đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn, đẩy nhanh tiến độ rà soát, kiểm tra các dự án đầu tư trong và ngoài ngân sách theo Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các dự án như: Thủ tục đầu tư, đất đai, kế hoạch vốn, thủ tục giải ngân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

8. Thực hiện tốt các chính sách bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, an sinh xã hội, chương trình giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho

Nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, thể thao hướng tới các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh hoạt động quảng bá du lịch.

Tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho năm học 2021 - 2022. Đảm bảo an toàn cho học sinh trong trường học. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên bảo đảm thích ứng với diễn biến mới của tình hình dịch Covid-19. Chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, tin học cho học sinh phổ thông các cấp, đáp ứng yêu cầu thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Chuẩn bị tốt các điều kiện khai giảng năm học mới 2021 - 2022, triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Tích cực thực hiện các giải pháp đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, bảo đảm thời vụ; chủ động có phương án tăng trưởng ngành nông nghiệp năm 2021. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi lớn, có kỹ thuật, kinh nghiệm trong phòng, chống dịch bệnh đầu tư tái đàn, góp phần phát triển ngành chăn nuôi, bình ổn giá trên thị trường và kiểm soát lạm phát. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đối với các xã đăng ký xây dựng nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với những xã đã đạt chuẩn. Tăng cường

công tác dự báo, chủ động phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ tác động của thiên tai đến đời sống, sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân.

10. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường công tác kiểm tra luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu. Chỉ đạo tổ chức thành công thực hành diễn tập khu vực phòng thủ huyện Phú Bình, huyện Phú Lương. Bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng, tập huấn, huấn luyện theo kế hoạch.

Triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Trung ương về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; lực lượng công an chủ động nắm, phân tích, đánh giá và dự báo tình hình để kịp thời giải quyết những vấn đề nổi lên về an ninh trên các lĩnh vực; giải quyết có hiệu quả các vụ khiếu kiện, các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả hoạt động của các loại tội phạm; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh, chấp hành nghiêm pháp luật trong hoạt động điều tra tội phạm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự; đẩy nhanh tiến độ cập nhật dữ liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với diễn biến dịch bệnh Covid-19; đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường công tác đối ngoại Nhân dân; đẩy mạnh vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

11. Thực hiện nghiêm các quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân và doanh nghiệp ngay tại địa phương, cơ sở; tiếp tục rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm công khai, minh bạch.

12. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; chủ động cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương, cơ chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để tạo đồng thuận xã hội, phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Kiểm soát chặt chẽ thông tin xấu, thông tin sai sự thật trên mạng xã hội, nhất là trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 2021.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua nội dung nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua nội dung nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên;

Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch phân khu

1. Phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp tuyến đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội; phía Nam giáp các thôn Nguyễn Hậu, Xuân Trù thuộc xã Tiên Phong; phía Đông giáp các thôn Cổ Pháp, Hảo Sơn thuộc xã Tiên Phong; phía Tây giáp các thôn Đại Tân, Định Thành, Vân Định, Đông Ngàn, Trung Quân thuộc xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên.

2. Diện tích khu vực lập quy hoạch phân khu: 154,36 ha.

3. Tính chất: Là Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Thái Nguyên.

II. Một số chỉ tiêu cơ bản

1. Dân số: Trong khu vực quy hoạch không có dân cư sinh sống, chỉ có nhân viên đến làm việc tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên.

2. Đất đai: Dự kiến gồm các khu vực chức năng:

a) Khu trung tâm điều hành.

b) Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

đ) Khu xử lý chất thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật khác.

e) Cây xanh (cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly).

g) Đất giao thông.

3. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật (Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, thoát nước thải và vệ sinh môi trường) thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định chuyên ngành liên quan.

III. Các yêu cầu và nguyên tắc

1. Những nghiên cứu của đồ án phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu quy định theo Luật Công nghệ cao, Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy hoạch chung thị xã Phổ Yên.

2. Trong cơ cấu sử dụng đất phải dành ít nhất 60% diện tích cho xây dựng cơ sở nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp và cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong nông nghiệp.

IV. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 136/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án bổ sung vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 908-QĐ/HNDTW ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị thông qua Đề án bổ sung vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra

của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án bổ sung vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

(Có tóm tắt Đề án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Bổ sung vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân tăng trưởng và phát triển bền vững, hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân tỉnh Khóa VIII, nhiệm kỳ 2018 - 2023 đã đề ra; sử dụng hiệu quả nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân góp phần phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tập trung vào cây trồng, vật nuôi có lợi thế, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Đến năm 2025 Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên đạt trên 40 tỷ đồng.
- b) Phấn đấu 100% các dự án sử dụng vốn vay Quỹ Hỗ trợ nông dân đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- c) Trên 60% dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện thành công các mô hình nông dân liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ tham gia dự án.
- d) Trên 90% dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân có áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất.
- đ) Trên 30% dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân có sản phẩm được truy xuất nguồn gốc, tham gia OCOP và được chứng nhận sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh. Phấn đấu trên 40% dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân được đầu tư vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

e) 100% các hộ vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân được tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật. Trên 50% các hộ vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân được học tập kinh nghiệm để áp dụng vào thực tiễn.

II. Quy mô

1. Năm 2021

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phát triển mới từ 04 - 05 dự án.

2. Từ năm 2022 - 2025

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hằng năm phát triển mới từ 05 - 06 dự án.

III. Giải pháp

1. Tăng cường công tác tuyên truyền về các hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân gắn với xây dựng các mô hình kinh tế hiệu quả.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân trong tư vấn, hỗ trợ hội viên phát triển kinh tế; tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân.

3. Tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, học tập kinh nghiệm để vốn vay được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

4. Nâng cao quy mô, giá trị sản phẩm; định hướng đầu tư vào những lĩnh vực, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

5. Bảo vệ tài nguyên môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

IV. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện: 22.200 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư công ngân sách địa phương: 14.000 triệu đồng.

+ Nguồn phí Quỹ Hỗ trợ Nông dân để lại hằng năm cho các cấp Hội và các nguồn vốn hợp pháp khác: 8.200 triệu đồng.

V. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 116/TTr-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

1. Giám sát tại các Kỳ họp

a) Giám sát tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận về các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

- Xem xét báo cáo kết quả thẩm tra và công tác 6 tháng đầu năm 2022 của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; các báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Báo cáo thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; Báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; Báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021.

- Xem xét các báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giám sát tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận về các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Báo cáo công tác năm 2022; Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Xem xét báo cáo kết quả thẩm tra và công tác năm 2022 của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; các báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021; Báo cáo kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng; Báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; Báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; Báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022.

- Xem xét các báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám sát chuyên đề

Giám sát công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì thực hiện Nghị quyết về Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm chuẩn bị tốt các nội dung để thực hiện Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua đề nghị liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: www.congbaothainguyen.gov.vn